



RESULTS FOR SEMESTER I SCHOOL YEAR 2019-2020

Class: Pre-Intermediate 1

No.	Name	Speaking	Listening	Grammar	Reading & Writing	Biology	Geography	Physics	Chemistry	Mathematics	History	Literature	Grade	Ranking
1	Lý Phụng Anh	8.8	7.0	7.3	8.7	8.4		9.6		7.3	8.0		8.1	B
2	Nguyễn Ngọc Cát	9.4	8.1	7.0	8.5	6.7		6.9		6.5	6.6		7.5	C
3	Nguyễn Anh Dũng	8.9	7.2	6.3	6.2	4.7		7.8		5.3	5.7		6.5	C
4	Võ Lê Trí Dũng	9.7	8.1	8.8	9.2	9.1		9.4		7.5	8.2		8.8	B
5	Huỳnh Gia Hân	9.7	9.0	8.8	9.5	9.8		9.8		8.8	9.5		9.4	A
6	Lư Gia Hân	9.3	7.9	6.8	9.0	8.8		9.7		7.6	8.2		8.4	B
7	Nguyễn Minh Hùng	8.7	7.7	5.4	7.9	7.8		7.3		4.2	8.0		7.1	C
8	Trương Trọng Khôi	8.3	5.2	4.6	5.0	2.7		5.0		2.7	4.2		4.7	F
9	Ngô Huỳnh Trung Kiên	8.6	5.8	5.2	5.5	2.8		5.8		3.3	4.8		5.2	D
10	Nguyễn Hoàng Bảo Long	9.2	8.1	8.1	8.4	8.1		8.9		6.0	7.7		8.1	B
11	Nguyễn Hồng Khánh Ngân	8.5	8.2	7.7	9.2	9.3		9.3		8.3	7.5		8.5	B
12	Võ Nguyễn Minh Nguyệt	9.8	9.1	8.5	9.5	9.4		8.3		7.3	8.2		8.8	B
13	Trần Cao Nhân	8.1	4.4	4.7	5.5	4.2		5.9		3.5	4.8		5.1	D
14	Ung Ngọc Diễm Quỳnh	8.5	6.1	6.8	8.0	8.0		7.8		7.8	7.1		7.5	C
15	Nguyễn Thị Thanh Vy	8.8	5.8	5.3	5.9	6.6		7.2		6.1	6.4		6.5	C
16														
17														
18														
19														
20														
21														
22														
23														

Class Teacher

IP. Manager

Checked by

Ho Thi Ngoan

Nguyen Thi To Ly

Nguyen Thi Hong Dung



RESULTS FOR SEMESTER I
SCHOOL YEAR 2019-2020

Class: Pre-Intermediate 2

No.	Name	Speaking	Listening	Grammar	Reading & Writing	Biology	Geography	Physics	Chemistry	Mathematics	History	Literature	Grade	Ranking
1	Nguyễn Thụy Trâm Anh	9.1	8.1	8.5	8.9	9.1		9.6		7.4	9.3		8.8	B
2	Trần Nguyễn Như Anh	8.3	6.7	6.4	7.9	7.3		9.1		5.7	7.7		7.4	C
3	Đinh Ngọc Bảo Châu	9.3	6.6	5.8	7.6	6.2		6.8		5.8	7.0		6.9	C
4	Dư Bảo Duy	8.5	7.8	7.8	7.1	8.7		9.1		7.0	6.3		7.8	C
5	Nguyễn Khánh Hằng	8.6	6.7	6.9	8.4	8.8		9.6		7.2	8.4		8.1	B
6	Nguyễn Thanh Hậu	8.7	9.1	6.1	7.2	5.9		7.4		4.9	6.6		7.0	C
7	Nguyễn Phúc Sỹ Hoàng	8.8	7.3	7.4	8.4	8.9		8.5		8.5	8.8		8.3	B
8	Phạm Công Nam Huy	8.2	4.8	4.8	6.8	6.0		5.7		6.9	5.9		6.1	D
9	Nguyễn Văn Khánh	9.0	7.9	8.2	8.6	9.0		8.6		4.9	8.3		8.1	B
10	Đặng Gia Linh	8.3	7.4	7.2	7.6	8.1		9.0		7.2	7.4		7.8	C
11	Vũ Phan Khánh Linh	8.3	6.6	6.6	7.5	6.1		7.7		6.5	6.9		7.0	C
12	Lê Quang Minh	8.0	6.2	5.9	6.4	6.3		7.2		5.7	5.7		6.4	D
13	Nguyễn Việt Minh Quân	8.5	5.7	7.0	6.9	7.7		7.9		5.6	5.6		6.9	C
14	Nguyễn Ngọc Diễm Quỳnh	8.3	6.4	6.9	6.6	6.9		7.2		5.8	5.0		6.6	C
15	Lê Quỳnh Trâm	9.0	9.3	8.7	8.7	9.9		9.2		7.9	7.6		8.8	B
16	Trần Bảo Ngọc Trâm	6.2	5.0	5.6	5.8	5.4		5.9		5.1	5.0		5.5	D
17	Low Yu Ying	9.3	7.9	7.6	8.8	9.3		9.6		6.5	7.5		8.3	B
18														
19														
20														
21														
22														
23														

Class Teacher

IP. Manager

Checked by

Phan Thi Mai

Nguyen Thi To Ly

Nguyen Thi Hong Dung



RESULTS FOR SEMESTER I
SCHOOL YEAR 2019-2020

Class: Pre-Intermediate 3

Table with 14 columns: No., Name, Speaking, Listening, Grammar, Reading & Writing, Biology, Geography, Physics, Chemistry, Mathematics, History, Literature, Grade, Ranking. Rows 1-13 contain student data, rows 14-23 are empty.

Class Teacher

IP. Manager

Checked by

Huynh Thi Kim Chung

Nguyen Thi To Ly

Nguyen Thi Hong Dung



RESULTS FOR SEMESTER I SCHOOL YEAR 2019-2020

Class: Pre-Intermediate 4

No.	Name	Speaking	Listening	Grammar	Reading & Writing	Biology	Geography	Physics	Chemistry	Mathematics	History	Literature	Grade	Ranking
1	Hoàng Hồng Hải An	9.5	7.6	8.3	8.9	9.0		8.8		7.4	8.5		8.5	B
2	Mai Thanh Bình	8.7	7.7	8.0	7.3	7.7		7.5		7.4	7.1		7.7	C
3	Trần Thu Hải	9.2	7.6	8.1	7.7	7.5		8.5		7.2	7.7		7.9	C
4	Nguyễn Khánh Hương	8.8	6.8	6.6	7.7	7.1		7.3		7.3	6.5		7.3	C
5	Kuk Choi Jason	9.5	8.7	8.4	8.7	8.3		8.1		6.6	7.4		8.2	B
6	Hun Choi Jeffrey	9.6	8.3	8.8	8.8	8.1		6.7		7.1	7.6		8.1	B
7	Lê Nguyễn Khánh	9.3	8.6	7.3	8.7	7.4		8.0		6.7	8.2		8.0	B
8	Võ Nguyễn Lam Khuê	8.4	7.8	5.7	7.2	6.7		8.0		6.5	5.9		7.0	C
9	Nguyễn Ngọc Thiên Kim	9.0	6.4	5.6	7.9	7.2		7.6		5.4	6.2		6.9	C
10	Nguyễn Hoàng Long	8.5	5.2	7.1	6.7	6.3		8.5		6.7	5.0		6.8	C
11	Trần Thanh Khánh Ngân	9.2	8.2	8.8	9.1	9.3		10.0		8.4	8.9		9.0	A
12	Đặng Trịnh Hạo Nhiên	9.3	7.5	7.0	8.4	8.7		9.1		7.1	8.5		8.2	B
13	Nguyễn Khánh Phi	9.7	9.2	9.7	9.5	9.9		9.7		8.6	9.5		9.5	A
14	Trần Hoàng Phúc	9.3	7.4	5.9	7.7	5.0		7.4		6.8	5.9		6.9	C
15	Phan Ngọc Anh Tâm	8.9	7.7	5.8	7.7	6.3		7.7		7.5	5.5		7.1	C
16	Nguyễn Trần Anh Thư	8.0	5.8	7.0	7.2	6.0		7.1		9.1	5.7		7.0	C
17	Đỗ Minh Tiến	8.9	7.1	7.3	8.0	8.2		8.5		6.4	7.3		7.7	C
18	Trần Hoàn Bảo Trân	7.7	5.4	4.8	6.1	5.1		7.8		4.8	6.2		6.0	D
19	Nguyễn Quốc Minh Triết	8.4	6.4	6.9	6.7	6.3		7.5		6.9	5.8		6.9	C
20														
21														
22														
23														

Class Teacher

IP. Manager

Checked by

Tran Thi Kim Ha

Nguyen Thi To Ly

Nguyen Thi Hong Dung



RESULTS FOR SEMESTER I
SCHOOL YEAR 2019-2020

Class: Pre-Intermediate 5

No.	Name	Speaking	Listening	Grammar	Reading & Writing	Biology	Geography	Physics	Chemistry	Mathematics	History	Literature	Grade	Ranking
1	Nguyễn Nhật Minh Anh	9.9	8.5	8.6	8.2	6.2		8.9		6.4	8.0		8.1	B
2	Nguyễn Ngọc Khánh Băng	9.3	6.9	7.7	8.4	7.1		8.5		7.2	7.9		7.9	C
3	Nguyễn Long Bình	8.3	6.6	7.1	7.4	8.1		8.8		6.9	7.4		7.6	C
4	Bùi Huy Anh Đạt	8.6	7.0	7.6	8.1	7.2		7.8		7.0	8.2		7.7	C
5	Trần Đại Hải	9.1	6.9	7.9	7.5	6.2		7.0		7.4	7.5		7.4	C
6	Nguyễn Quang Trung Hậu	9.5	8.6	8.8	9.2	9.3		9.9		8.6	9.6		9.2	A
7	Võ Nguyễn Duy Khang	8.3	8.2	5.0	5.0	2.8		6.5		6.7	3.7		5.8	D
8	Đỗ Đăng Khôi	9.7	9.0	9.7	9.3	9.7		9.8		9.2	9.4		9.5	A
9	Lê Hoàng Nhật Khôi	9.2	7.3	7.5	7.4	7.1		6.3		6.2	7.3		7.3	C
10	Lê Hoàng Chi Lan	9.4	7.6	8.0	7.7	7.1		9.5		7.4	8.6		8.2	B
11	La Uyên Nhi	8.7	8.3	8.5	7.7	8.1		7.5		7.1	8.7		8.1	B
12	Lại Hoàng Phúc	8.4	6.2	8.7	7.0	6.6		9.5		8.9	5.8		7.6	C
13	Trịnh Việt Quang	8.9	8.5	9.3	6.8	7.8		8.4		6.2	7.6		7.9	C
14	Văng Phước Thịnh	8.6	7.0	6.9	7.4	7.3		8.2		8.1	7.4		7.6	C
15	Trần Ngọc Phương Thùy	8.1	6.6	5.1	5.6	6.4		5.0		5.9	5.2		6.0	D
16	Nguyễn Nhật Trí	9.6	8.3	9.2	8.9	9.1		8.9		8.3	9.6		9.0	A
17	Trần Ngọc Diễm Trinh	8.1	5.3	5.3	6.7	5.6		7.4		5.2	5.4		6.1	D
18	Nguyễn Thiên Hương Tú	9.1	8.2	8.5	8.9	8.7		9.5		8.9	8.6		8.8	B
19	Lê Minh Tuấn	9.2	5.9	5.3	7.0	5.4		7.0		6.6	6.1		6.6	C
20	Nguyễn Ngọc Anh Tuấn	8.3	6.5	5.1	7.1	6.2		6.7		7.1	5.1		6.5	C
21														
22														
23														

Class Teacher

IP. Manager

Checked by

Nguyen Thi Thuy

Nguyen Thi To Ly

Nguyen Thi Hong Dung